TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 520/2025/DS-PT
Ngày 22 tháng 5 năm 2025
V/v "Tranh chấp về lối đi; Yêu cầu thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2025/TLPT-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2025, về việc *"Tranh chấp về lối đi; Yêu cầu thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2024/DS-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1018/2025/QĐ-PT, ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hồ Đình T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Cao T1, sinh năm 1985; Cư trú tại số A, đường N, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản uỷ quyền ngày 03/3/2022 – có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Cao T2 – Văn phòng L1 – thuộc đoàn luật sư tỉnh L; Địa chỉ: Số A, N, Phường B, thành phố Đ, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1968; Cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Hồ Thị Thanh T3, sinh năm 1979; Cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Hồ Thị Thanh T4, sinh năm 1968; Cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Hồ Thị Thanh T5, sinh năm 1975; Cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Lý Thị L, sinh năm 1941; Cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Anh T6 – Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Trần V, sinh năm 1959; Cư trú tại: thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:*

1. Bị đơn ông Hồ Đình T.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lý Thị L, bà Hồ Thị Thanh T4, bà Hồ Thị Thanh T3, bà Hồ Thị Thanh T5.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày như sau:*

Nguyên trước năm 1987, ông sử dụng thửa đất số 50, tờ bản đồ 299, diện tích 8.924m^2 thuộc xã N, huyện Đ *(nay là thửa 150, tờ bản đồ số 29)*. Tuy nhiên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đứng tên ông Nguyễn Thanh H2 *(em ruột)*.

Do đất nằm ở phía trong, bị bao bọc bởi các bất động sản liền kề, không có lối ra đường lớn; Ngày 21/12/1987 ông thỏa thuận nhận chuyển nhượng của ông Hồ Đình A *(bố ông Hồ Đình T)* lô đất để làm đường đi có chiều rộng là 3m, chiều dài 85m, đầu lô giáp đường lớn, diện tích là 327m^2 với giá là 1.000.000 đồng, ông đã giao đủ tiền cho ông A và nhân đất làm lối đi ra đường công cộng từ năm 1987

cho đến nay. Phần diện tích đất này đi đến đất của ông V, còn ông V cho ông đi nhờ, dọc theo ranh thửa 66 và thửa 62 đến lô đất của ông, thửa 150.

Đến năm 2006 ông nhận chuyển nhượng lại thửa 62, tờ bản đồ 299, diện tích 10.052m² của ông H3 *(nay là thửa đất số 163, tờ bản đồ số 03)*; nguồn gốc trước đó của ông V, ông V chuyển nhượng cho ông H3, ông H3 chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông, đến ngày 29/6/2006 ông được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 10.052m² đất, thuộc thửa đất số 163, tờ bản đồ số 03, xã N, huyện Đ đứng tên ông Nguyễn Thanh H, bà Hoàng Thị H1.

Theo hoạ đồ đo đạc ngày 30/5/2022 do Công ty TNHH A1 thể hiện, lô đất có chiều rộng là 3m, kéo dài hai bên đường đi, bên thửa 67 dài là 70,5m *(55,8m + 4,2m + 10,5m)*; Phía nằm bên thửa 65 dài 71,7m *(56,3m + 4,2m + 11,2m).* Tổng diện tích đất 212,8m².

Từ trước năm 1987 đến nay ông vẫn đi trên con đường này, sau khi nhận chuyển nhượng ông cải tạo, nâng cấp con đường, đổ đá cấp phối, hạ thấp độ cao… để thuận tiện xe ra vào nhà ở, sinh hoạt bên trong; Khi nhận chuyển nhượng thì ông A chưa được cấp GCNQSDĐ.

Đến năm 1995, UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho ông Hồ Đình T *(con ông A),* thửa đất số 63, 65, tờ bản đồ 299; Trong đó cấp chồng lên con đường mà ông đã mua của ông Hồ Đình A, diện tích qua đo đạc 212,8m².

Nay ông A chết, ông yêu cầu ông T tiếp tục thực hiện hợp đồng, sang tên lô đất trên cho ông nhưng ông T không đồng ý. Do vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông và ông A, công nhận diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của ông, đồng thời yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho ông T đối với diện tích đất 212,8m² thuộc một phần thửa 63, 65, tờ bản đồ 299, xã N, huyện Đ.

** Bị đơn ông Hồ Đình T và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê Cao T1 trình bày như sau:*

Ông T là chủ sử dụng đất thuộc thửa đất số 63, 64, 65; Tờ bản đồ số 03, toạ lạc tại xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo GCNQSDĐ số B 518270, vào sổ Giấy chứng nhận số 00141/QSDĐ/549 do UBND huyện Đ cấp ngày 05/7/1995 với diện tích 8.005m². Việc cấp GCNQSDĐ trên đảm bảo quy trình, thủ tục.

Nguồn gốc diện tích 8.005m² đất ông T khai phá trước năm 1995. Đến ngày 05/7/1995 ông Hồ Đình T được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 2.290m², thuộc thửa đất số 63, diện tích đất 725m², thuộc thửa đất số 64; diện tích đất 4.990m², thuộc thửa đất số 65; thuộc tờ bản đồ số 03, xã N, huyện Đ.

Việc ông H nhận chuyển nhượng đất của ông A là việc của ông H và ông A, gia đình ông không biết, còn diện tích đất thửa đất số 63, 64 và thửa đất số 65 là của ông T khai phá trước năm 1995 và được cấp 03 GCNQSDĐ hợp pháp, thuộc QSDĐ của ông T. Do đó, với yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông T không đồng ý. Phần đất này ông T dùng làm lối đi để vào các thửa đất 63, 64, 65 của ông T.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà Hoàng Thị H1 *(vợ ông H)* thống nhất ý kiến của ông H.

Bà Hồ Thị Thanh T3, bà Hồ Thị Thanh T4, bà Hồ Thị Thanh T5 *(là các con của ông A),* bà Lý Thị L *(là vợ của ông A)* thống nhất với lời trình bày của ông T, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** UBND huyện Đ do ông Phan Anh T6 đại diện có ý kiến như sau:*

Ngày 15/3/1995, ông Hồ Đình T có đơn xin đăng ký QSDĐ đối với thửa đất số 63/2.290m^2, thửa 64/725m^2; thửa 65/4.990m^2, tờ bản đồ số 03 xã N, huyện Đ. Tổng diện tích 8.005m^2. Nguồn gốc ông T khai phá 1985, 1993. Ngày 05/7/1995 U Quyết định số 549/Q-UB, trong đó có hộ ông Hồ Đình T. Hồ sơ đã bị thất lạc nên hiện nay chỉ có đơn của ông T và Quyết định 549 ngày 05/7/1995 của UBND huyện Đ nên không có cơ sở để xác định trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông T là đúng hay sai.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không có mặt đầy đủ nên không tiến hành hòa giải được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 203; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H về việc "*Tranh chấp về lối đi; Yêu cầu thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* với bị đơn ông Hồ Đinh T7.

- Công nhận giấy sang nhượng đất viết tay giữa ông Hồ Đình A và ông Nguyễn Thanh H lập ngày 21/12/1987 có hiệu lực.

- Công nhận con đường đi có diện tích 212,8m^2 thuộc một phần thửa 63, 65 tờ bản đồ số 03 tại xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thanh H.

2. T8 hủy một phần Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Đình T theo Quyết định số 549/Q-UB ngày 05/7/1995 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với diện tích 212,8m^2, thuộc một phần thửa 63, thửa 65, tờ bản đồ số 03 xã N, huyện Đ. *(Kèm theo họa đồ đo đạc ngày 30/5/2022 của Công ty TNHH A1).*

Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/6/2024, bị đơn là ông Hồ Đình T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Ngày 04/7/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 22/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lý Thị L, Hồ Thị Thanh T5, Hồ Thị Thanh T4, Hồ Thị Thanh T3 kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Hồ Đình T (do ông Lê Cao T1 đại diện) và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm theo khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Đơn kháng cáo của ông Hồ Đình T, bà Lý Thị L, Hồ Thị Thanh T5, Hồ Thị Thanh T4, Hồ Thị Thanh T3 làm trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo còn lại đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

+ Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, 34, 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

[1] Theo hoạ đồ đo đạc ngày 30/5/2022 do Công ty TNHH A1 đo vẽ theo yêu cầu của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng có người chỉ ranh là nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H, bị đơn là ông Hồ Đình T (có ông Lê Cao T1 đại diện) thể hiện phần diện tích 212,8m^2 đất tại vị trí số 4 có chiều rộng là 3m, kéo dài hai bên đường đi; bên thửa 67 dài là 70,5m *(55,8m + 4,2m + 10,5m)*; Phía nằm bên thửa 65 dài 60,5m *(56,3m + 4,2m);* phía nằm bên thửa 63 có chiều dài là 11,2m. Được ông H sử dụng làm lối đi vào nhà đất của ông H tại thửa đất số 62.

Nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh H cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 212,8m^2 tại vị trí số 4 theo họa đồ nêu trên có nguồn gốc do ông H nhận chuyển nhượng của ông Hồ Đình A (cha của ông T) vào năm 1987 để làm đường đi; khi ông H nhận chuyển nhượng ông A chưa được cấp GCNQSDĐ; đến năm 1995 ông Hồ Đình T (con của ông A) đã đăng ký kê khai và được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 63, 65 bao gồm cả diện tích 212,8 m^2 do ông H nhận chuyển nhượng trước đó.

Xét thấy, theo hoạ đồ đo đạc do Công ty TNHH A1 lập ngày 30/5/2022 thì phần đất ông H sử dụng làm đường đi có 1 phần thuộc thửa số 63 và 65 do ông T đứng tên GCNQSDĐ; một phần thuộc thửa số 67; tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ thửa đất số 67 thuộc quyền quản lý sử dụng của ai? Không đưa người đang đứng tên chủ quyền thửa đất số 67 vào tham gia tố tụng mà lại tuyên xử công nhận cho ông H được quyền sử dụng diện tích 212,8 m^2 (trong đó có 1 phần thuộc thửa đất số 67) là thiếu sót nghiêm trọng.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ông H cung cấp tài liệu là Giấy sang nhượng đất ngày 21/12/1987 có nội dung ông Hồ Đình A chuyển nhượng cho ông H diện tích đất 327m^2 (chiều ngang 3m, chiều dài 85m) với giá 01 triệu đồng; ông H đã giao đủ tiền cho ông A và sử dụng diện tích đất này làm con đường đi ra đường lớn từ năm 1987 cho đến nay. Theo đó, thời gian ông H nhận chuyển nhượng con đường để đi vào nhà đất của ông H là vào năm 1987; trong khi nhà đất tại thửa đất số 62 của ông H lại nhận chuyển nhượng vào năm 2006. Vậy, con đường ông H nhận chuyển nhượng vào năm 1987 để đi vào thửa đất nào? Đồng thời người chuyển nhượng thửa đất 62 cho ông H là ông H3 (ông V chuyển nhượng cho ông H3, ông H3 chuyển nhượng lại cho ông H) thì trước khi chuyển nhượng cho ông H các ông này có sử dụng con đường này hay không? Con đường này hình thành từ khi nào? Không được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ngoài ra, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thể hiện ngoài con đường (phần đất đang tranh chấp) để ra đường công cộng thì ông H không còn con đường đi nào khác? Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục định giá tài sản quyền sử dụng đất

tranh chấp để giải quyết trong trường hợp công nhận con đường đi cho ông H và buộc ông H trả lại giá trị cho chủ sử dụng đất.

Đối với yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho ông Hồ Đình T đối với diện tích 212,8m^2, thuộc một phần thửa 63 và một phần thửa 65, tờ bản đồ số 03 xã N, huyện Đ: Thấy rằng, trường hợp có căn cứ xác định việc cấp GCNQSDĐ cho ông T đối với diện tích 212,8m^2 là không đúng đối tượng sử dụng, không đúng quy định của pháp luật thì Tòa án cấp sơ thẩm không được tuyên hủy một phần GCNQSDĐ; mà căn cứ theo Công văn số 837/TCQLĐĐ-CĐKĐĐ ngày 11/5/2021 của T9 thuộc Bộ T10 và pháp luật đất đai để giải quyết cho đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký cập nhật biến động GCNQSSĐ theo quy định tại Điều 84 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và khoản 5 Điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T10. Đồng thời, Cơ quan có thẩm quyền cấp GCN.QSDĐ căn cứ vào Bản án có hiệu lực pháp luật để điều chỉnh cập nhật biến động và cấp mới GCN.QSDĐ theo quy định của pháp luật và theo Bản án cho đương sự.

[2] Với những thiếu sót nghiêm trọng nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Đình T, bà Lý Thị L, Hồ Thị Thanh T5, Hồ Thị Thanh T4, Hồ Thị Thanh T3; Hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Hồ Đình T, bà Lý Thị L, Hồ Thị Thanh T5, Hồ Thị Thanh T4, Hồ Thị Thanh T3 không phải nộp.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét quyết định khi giải quyết lại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Đình T, bà Lý Thị L, Hồ Thị Thanh T5, Hồ Thị Thanh T4, Hồ Thị Thanh T3; Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Đình T, bà Lý Thị L, bà Hồ Thị Thanh T5, bà Hồ Thị Thanh T4, bà Hồ Thị Thanh T3. Hoàn trả cho ông T, bà T4, bà T5, bà T3 mỗi đương sự số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên

lai thu số 0008990 ngày 16/7/2024, 0008997, 0008998, 0008999 ngày 25/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng được xem xét quyết định khi giải quyết lại sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh Lâm Đồng;
– VKSND tỉnh Lâm Đồng;
– Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
– Các đương sự (8);
– Lưu VT (5), HS (2), 20b, (ÁN09)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tuyết Trinh